

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Luyến

2. Ông Nguyễn Thanh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-PT ngày 28/5/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: số 197, phố thứ 3 Neiding, quận Zhongli, thành phố ĐV, ĐL - Trung Quốc, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Phạm Thị H giao, nhận văn bản tố tụng: ông Đỗ Minh Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: số 46 phố TKX, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1986; Địa chỉ nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hiện đang ở ĐL- Trung Quốc (không xác định địa chỉ cụ thể), (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm 1941 và bà Dương Thị B, sinh năm 1944; cùng địa chỉ: thôn TL, xã TB, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2010 tại UBND xã AB, huyện LT, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, rồi sau đó xảy ra mâu thuẫn. NgU nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa hai người không hòa hợp, vợ chồng thường xU bất đồng quan điểm sống. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, năm 2016 chị H đã đi lao động xuất khẩu tại ĐL. Đến năm 2017 anh T cũng sang ĐL, vợ chồng cùng làm ăn gần nhau để có cơ hội hàn gắn cải thiện tình cảm vợ chồng, động viên nhau vì con cái, nhưng được khoảng một năm thì vợ chồng không cải thiện được, lại phát sinh mâu thuẫn, do nhiều ngU nhân khác nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Vợ chồng đã nhiều lần tìm cách nói chuyện, trao đổi để hàn gắn tình cảm, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung. Do sống thời gian ly thân dài, mỗi người mỗi nơi, nên cả hai không thể hàn gắn được. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

Về con chung: Chị H và anh Nguyễn Mạnh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai U, sinh ngày 22/02/2011 và cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 07/11/2012. Hiện nay cả hai cháu đều đang sinh sống ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị H là ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B), địa chỉ: thôn TL, xã TB, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay chị H và anh T đều đang làm ăn ở nước ngoài, chưa về Việt Nam. Khi ly hôn, chị H xin được chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyễn Mai U và cháu Nguyễn Mai Ph. Tuy nhiên, hiện nay chị H đang ở nước ngoài và chưa về Việt Nam, nên chị H ủy quyền và đề nghị Tòa án tạm giao cả hai cháu cho bố mẹ đẻ chị H là bà Dương Thị B nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu trong thời gian chị H đang ở nước ngoài, đến khi chị H về Việt Nam chị H sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện hiện nay chị H đang đi lao động xuất khẩu tại ĐL không về Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với anh T được, chị H làm đơn đề nghị xin giải quyết xét xử vắng mặt. Mọi thủ tục giấy tờ chị H đã có văn bản ủy quyền cho ông Đỗ Minh Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: số 46 phố TKX, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội, là người đại diện theo ủy quyền của chị H giao nộp tài liệu và nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T: Hộ khẩu nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh Nguyễn Mạnh T ở thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở hiện nay: đang

cư trú tại ĐL - Trung Quốc (không xác định được địa chỉ cụ thể).

Tại công văn số 468/PA08-Đ1 ngày 05/8/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: anh Nguyễn Mạnh T đã xuất cảnh vào ngày 02/8/2024 qua cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội. Hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh T và niêm yết công khai: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập; Quyết định hoãn phiên tòa. Đồng thời đăng Thông báo về việc thụ lý vụ án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Anh T không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Đơn trình bày ý kiến của các cháu Nguyễn Mai U ngày 22/02/2011 hiện nay cháu U học lớp 8 và cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 07/11/2012 hiện đang học lớp 7 tại trường trung học cơ sở xã TB, huyện NQ. Hiện nay bố T, mẹ H đang đi lao động tại ĐL, hai chị em đều đang ở cùng với ông bà ngoại là ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B. Nếu bố T, mẹ H ly hôn thì nguyện vọng của 2 chị em xin được ở với mẹ, nhưng hiện nay mẹ đi ĐL không có ở nhà, các cháu vẫn muốn tiếp tục được ở với ông bà ngoại, để các cháu đi học thuận lợi ở gần trường, thỉnh thoảng chúng cháu vẫn về thăm ông bà nội, chúng cháu mong Tòa án xem xét.

Tại biên bản làm việc ngày 12/12/2024 và ngày 24/01/2025 bà Trần Thị Đ, (là mẹ đẻ anh T) trình bày: năm 2010 anh Nguyễn Mạnh T kết hôn với chị Phạm Thị H. Sau khi kết hôn anh T, chị H đã làm nhà và sinh sống tại thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Khoảng năm 2016 - 2017 chị H đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, sau đó anh T cũng sang nước ngoài lao động cùng chị H, thỉnh thoảng mới về, thời gian gần đây nhất anh T về thăm gia đình vào tháng 8/2024 sau đó lại đi, anh T thường xuyên điện thoại về cho bà và gửi tiền về bên ngoại nuôi các con; địa chỉ cụ thể của anh T như thế nào bà Đ không biết, bà cũng có hỏi nhưng anh T chỉ nói đang sinh sống tại Đài Bắc, ĐL, tết vừa qua anh T chị H cũng không về thăm gia đình. Anh T, chị H có 02 con chung, hiện nay các cháu đang ở cùng với ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị H) ở xã TB, huyện NQ từ khi anh T, chị H đi xuất khẩu. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh T, bà Đ mong muốn anh T chị H nên suy nghĩ lại để gia đình đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì tùy chị H. Các văn bản giấy tờ tố tụng mà Tòa án giao gửi cho anh T, bà Đ nhận thay và thông báo lại cho anh T biết.

Tại biên bản làm việc ngày 05/12/2024 ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B, (là bố mẹ đẻ chị H) trình bày: anh Nguyễn Mạnh T và chị Phạm Thị H kết hôn năm 2010. Sau đó anh T, chị H mua đất làm nhà tại xã GL, huyện NQ. Năm 2016 chị H đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, sau đó anh T cũng đi sang nước ngoài lao động. Từ khi đi anh T chị H có về Việt Nam vài lần xong rồi lại đi. Hiện nay

cả anh T, chị H vẫn đang lao động xuất khẩu tại nước ngoài, chưa về Việt Nam, địa chỉ cụ thể của chị H cũng như anh T ở nước ngoài như thế nào ông bà không rõ.

Từ khi anh T, chị H đi nước ngoài cho đến nay, 02 con chung của anh T chị H là cháu Nguyễn Mai U và cháu Nguyễn Mai Ph ở cùng với chị gái chị H được khoảng 5 năm, sau đó các cháu về ở cùng với ông bà. Hiện tại 2 cháu U và cháu Ph vẫn đang ở cùng với ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng được gần 3 năm nay, cháu U đang học lớp 8, cháu Ph học lớp 7 tại trường THCS xã TB, huyện NQ. Hàng tháng chị H có gửi tiền về để ông bà chi tiêu sinh hoạt và đóng tiền học cho các cháu, các cháu đi học từ nhà đến trường cách khoảng 1,5 km, các cháu tự đi học bằng xe đạp. Nay chị H, anh T không còn tình cảm ở với nhau được mà phải ly hôn là quyền của các anh chị, ông bà không có ý kiến gì. Nếu anh T chị H ly hôn, ông bà mong muốn để ổn định cho các cháu học hành, nếu giao cho chị H nuôi dưỡng các cháu, chị H đang ở nước ngoài không nuôi được, có ủy quyền nhờ ông bà nuôi các cháu trong thời gian chị H ở nước ngoài chưa về Việt Nam thì ông bà hoàn toàn nhất trí, tiếp tục nuôi các cháu cho đến khi chị H về Việt Nam. Ông bà già yếu đi lại khó khăn, nếu Tòa án có báo đến làm việc, ông bà xin được vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 05/12/2024 UBND xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình cung cấp: Anh Nguyễn Mạnh T quê ở xã AB, huyện LT, tỉnh Hòa Bình, chị Phạm Thị H quê ở xã TB, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Anh T, chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình, chị H và anh T đi lao động xuất khẩu tại ĐL từ lâu khoảng 8 đến 9 năm nay, có một vài lần chị H về địa phương rồi lại đi. Hiện tại chị H và anh T không cư trú sinh sống tại địa phương, vẫn đang đi lao động xuất khẩu tại ĐL đến nay chưa về, địa chỉ cụ thể ở nước ngoài như thế nào thì chính quyền địa phương không rõ. Anh T chị H có 02 con chung và có một căn nhà lợp mái tôn ở địa phương, hiện nay căn nhà của anh T, chị H đóng cửa để đầy không ai quản lý sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 147, 227, 228, 469, 470, 476, 471, 474, 477, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Cho chị Phạm Thị H ly hôn anh Nguyễn Mạnh T; Về con chung sau khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Mai U, sinh ngày 22/02/2011 và cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 07/11/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu U và cháu Ph đủ 18 tuổi. Do chị H đang ở nước ngoài, nên tạm giao 02 cháu U và cháu Ph cho ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B (bố mẹ đẻ chị H) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu U và cháu Ph đến khi chị H về Việt Nam. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và công nợ: chị H

không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngũ đơn chị Phạm Thị H có quốc tịch Việt Nam, Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ hiện nay: số 197, phố thứ 3 Neiding, quận Zhongli, thành phố ĐV, ĐL (Trung Quốc).

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T, có quốc tịch Việt Nam; Anh T đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, không rõ địa chỉ. Trước khi xuất cảnh nơi cư trú cuối cùng của anh T là : thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H đã có bản tự khai; đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh T mà không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài.

Bị đơn anh Nguyễn Mạnh T vắng mặt tại nơi cư trú. Tòa án đã gửi cho thân nhân của anh T và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, tiến hành xác minh tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của anh T, xác minh làm việc với thân nhân gia đình của anh T, bà Trần Thị Đ là mẹ đẻ của anh T đều xác nhận hiện nay anh T vẫn đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài, anh T thường xuyên có điện thoại, liên lạc về gia đình cho bà Đ, nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, nên bà Đ không biết địa chỉ chính xác của anh T ở đâu mà cung cấp cho Tòa án được. Mặc dù Tòa án đã đề nghị bà Đ thông báo cho anh T biết về việc yêu cầu khởi kiện của chị H, nhưng anh T không có ý kiến gì. Vì vậy vụ án thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B (bố mẹ đẻ chị H) có ý kiến quan điểm, hiện tại anh T và chị H vẫn đang lao động ở nước ngoài chưa về Việt Nam, 02 con chung của chị H và anh T đang ở với ông bà, ông bà sẽ tiếp tục chăm sóc

các cháu đến khi chị H về Việt Nam, vì sức khỏe đi lại khó khăn nên ông Đ, bà B xin được vắng mặt. Do đó, theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của ngU đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã AB, huyện LT, tỉnh Hòa Bình. Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H anh T chung sống tại nhà riêng của anh T chị H ở thôn 2, xã GL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Năm 2016 chị H đi xuất khẩu lao động tại ĐL, đến năm 2017 anh T cũng đi xuất khẩu lao động tại ĐL, vợ chồng cùng làm ăn gần nhau để có cơ hội hàn gắn cải thiện tình cảm vợ chồng, nhưng được khoảng một năm thì vợ chồng vẫn không cải thiện được, lại phát sinh mâu thuẫn, luôn bất đồng quan điểm sống ngày càng trầm trọng, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, trên thực tế cuộc sống gia đình và quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị H là không còn, vì vậy khả năng đoàn tụ vợ chồng là không có. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T cũng đã biết việc chị H xin ly hôn nhưng không có ý kiến, quan điểm và không về Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định hôn nhân giữa anh T và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H là có căn cứ, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

[2.2] Về con chung: chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T có hai con chung là cháu Nguyễn Mai U, sinh ngày 22/02/2011 và cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 07/11/2012, từ khi chị H đi lao động xuất khẩu tại ĐL từ năm 2016 hai cháu ở nhà với anh T, sau đó đến năm 2017 anh T lại đi lao động tại ĐL, thì hai cháu ở với chị gái chị H một thời gian, sau đó 2 cháu về ở với ông bà ngoại. Hiện nay cháu U và cháu Ph đang ở cùng với ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B (là ông bà ngoại) chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được chăm sóc nuôi cả hai con; nguyện vọng của cháu U và cháu Ph muốn được ở với mẹ. Do chị H đang ở nước ngoài chưa về, nên các cháu mong muốn tiếp tục được ở với ông bà ngoại, để thuận tiện cho việc đi học của các cháu.

Hội đồng xét xử xét thấy: chị H và anh T hiện đang đi lao động tại ĐL, điều kiện trực tiếp nuôi hai con chung của anh T và chị H tạm thời không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Thực tế, cả hai cháu U và cháu Ph đều đang ở cùng với ông Đ

và bà B (là ông bà ngoại) đang chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu ăn học. Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con. Chị H hiện đang lao động tại ĐL, có thu nhập, theo lời trình bày của ông Đ, bà B (mẹ chị H) thì chị H đi ĐL có nhờ ông bà chăm sóc nuôi các cháu và có gửi tiền về để ông bà chi tiêu sinh hoạt đóng tiền học cho các cháu. Ông Đ, bà B cũng đồng ý tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu U và cháu Ph cho đến khi chị H về Việt Nam. Căn cứ vào quyền lợi của các cháu được chung sống với người trực tiếp nuôi, duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi, không làm xáo trộn môi trường sống và giáo dục của các cháu. Do vậy, cần giao cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu U và cháu Ph cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong thời gian chị H đang ở nước ngoài chưa về Việt Nam, cần phải tạm giao cháu U và cháu Ph cho ông Đ và bà B (bố mẹ đẻ chị H) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị H về Việt Nam. Trong thời gian ông Đ và bà B chăm sóc nuôi các cháu, chị H có trách nhiệm gửi tiền về để ông Đ bà B nuôi các cháu. Anh T có quyền đi lại thăm con chung, có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

[2.3]. Về cấp dưỡng cho con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 469, Điều 470, Điều 471, Điều 474, Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Mạnh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T. Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Mạnh T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Mai U, sinh ngày 22/02/2011 và cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 07/11/2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Trong thời gian chị H đang ở nước ngoài chưa về Việt Nam, tạm giao hai cháu Nguyễn Mai U và cháu Nguyễn Mai Ph cho ông Phạm Ngọc Đ và bà Dương Thị B (bố mẹ đẻ chị H) tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu thay thế chị H cho đến khi chị H về Việt Nam. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này; khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Phạm Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000048 ngày 20/8/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA-DS tỉnh Ninh Bình;
- Phòng TT,KT &THA;
- UBND xã AB, huyện LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa Dân sự;
- Lưu HCTP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Trần Thị Sâm